

Số: *04* /2022/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày *20* tháng *01* năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 09/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước;
Căn cứ Quyết định số 53/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
Căn cứ Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ họp trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước;
Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 2129/TTr-VPUB ngày 17 tháng 11 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành, kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 và thay thế Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương Khóa IX, nhiệm kỳ 2016 – 2021.



Điều 3. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Như Điều 3;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- CSDL Quốc gia về pháp luật (STP);
- Trung tâm Công báo tỉnh, Website tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, Hoàng.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Minh

QUY CHẾ

Làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương

(Kèm theo Quyết định số 04 /2022/QĐ-UBND

ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, chế độ trách nhiệm, lề lối làm việc, trình tự giải quyết công việc và quan hệ công tác của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh.

2. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Ủy viên UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là cấp huyện) và các tổ chức, cá nhân có quan hệ công tác với UBND tỉnh chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc làm việc của UBND tỉnh

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng pháp luật; làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, vừa bảo đảm phát huy vai trò lãnh đạo của tập thể UBND tỉnh, vừa đề cao trách nhiệm cá nhân của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên UBND tỉnh.

2. Tổ chức và chỉ đạo giải quyết công việc theo quy định của pháp luật và chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương; bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự giám sát của Hội đồng nhân dân (sau đây viết tắt là HĐND) tỉnh trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Trong phân công giải quyết công việc, mỗi việc chỉ được giao cho một cơ quan, đơn vị, một người phụ trách và chịu trách nhiệm chính. Cấp trên không làm thay công việc của cấp dưới, tập thể không làm thay công việc của cá nhân và ngược lại. Thủ trưởng cơ quan được giao công việc phải chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả công việc được phân công.

4. Bảo đảm tuân thủ trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết công việc theo quy định của pháp luật, chương trình, kế hoạch và theo quy định tại Quy chế này.

5. Bảo đảm phát huy năng lực và sở trường của cán bộ, công chức; đề cao sự phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc và trong mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

6. Bảo đảm dân chủ, rõ ràng, công khai, minh bạch, hiệu quả trong mọi hoạt động, phục vụ Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân.

Chương II **HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Điều 3. Phiên họp UBND tỉnh

1. UBND tỉnh họp thường kỳ mỗi tháng một lần.
2. UBND tỉnh họp chuyên đề hoặc họp đề giải quyết công việc phát sinh đột xuất trong các trường hợp sau đây:
 - a) Do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định;
 - b) Theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ;
 - c) Theo yêu cầu của ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên UBND tỉnh.

Điều 4. Triệu tập phiên họp UBND tỉnh

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định cụ thể ngày họp, chương trình, nội dung phiên họp.
2. Thành viên UBND tỉnh có trách nhiệm tham dự đầy đủ các phiên họp UBND tỉnh, nếu vắng mặt phải báo cáo bằng văn bản và được Chủ tịch UBND tỉnh đồng ý.
3. Phiên họp UBND tỉnh chỉ được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên UBND tỉnh tham dự.
4. Chương trình, thời gian họp và các tài liệu trình tại phiên họp phải được gửi đến các thành viên UBND tỉnh chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày bắt đầu phiên họp thường kỳ và chậm nhất là 01 ngày trước ngày bắt đầu phiên họp chuyên đề hoặc họp đề giải quyết công việc phát sinh đột xuất.

Điều 5. Trách nhiệm chủ tọa phiên họp UBND tỉnh

1. Chủ tịch UBND tỉnh chủ tọa phiên họp UBND tỉnh, bảo đảm thực hiện chương trình phiên họp và những quy định về phiên họp. Khi Chủ tịch UBND tỉnh vắng mặt, một Phó Chủ tịch UBND tỉnh được Chủ tịch UBND tỉnh phân công chủ tọa phiên họp.
2. Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh được Chủ tịch UBND tỉnh phân công chủ trì thảo luận từng nội dung trình tại phiên họp.

Điều 6. Khách mời tham dự phiên họp UBND tỉnh

1. Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội (sau đây viết tắt là ĐBQH) tỉnh, đại diện Thường trực HĐND tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, đại diện các Ban của HĐND tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh được mời tham dự phiên họp UBND tỉnh khi bàn về các vấn đề có liên quan.

3. Chủ tịch HĐND, UBND cấp huyện, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh và các đại biểu khác được mời tham dự phiên họp UBND tỉnh khi bàn về các vấn đề có liên quan.

4. Tùy theo tính chất, nội dung, mục đích, yêu cầu của phiên họp, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành phần, số lượng khách mời tham dự. Đại biểu dự họp chịu trách nhiệm về ý kiến của mình tại phiên họp, tiếp thu ý kiến chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện, cụ thể các nội dung chỉ đạo, kết luận tại phiên họp.

Điều 7. Biểu quyết tại phiên họp UBND tỉnh

1. UBND tỉnh quyết định các vấn đề tại phiên họp bằng hình thức biểu quyết. Thành viên UBND tỉnh có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết.

2. UBND tỉnh quyết định áp dụng một trong các hình thức biểu quyết sau đây:

- a) Biểu quyết công khai;
- b) Bỏ phiếu kín.

3. Quyết định của UBND tỉnh phải được quá nửa (1/2) tổng số thành viên UBND tỉnh biểu quyết tán thành. Trường hợp số tán thành và số không tán thành bằng nhau thì quyết định theo ý kiến biểu quyết của chủ tọa phiên họp.

Điều 8. Biểu quyết bằng hình thức gửi phiếu ghi ý kiến

1. Đối với một số vấn đề do yêu cầu cấp bách hoặc không nhất thiết phải tổ chức thảo luận, biểu quyết tại phiên họp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc biểu quyết của thành viên UBND tỉnh bằng hình thức gửi phiếu ghi ý kiến. Việc biểu quyết bằng hình thức phiếu ghi ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy chế này.

2. Chủ tịch UBND tỉnh phải thông báo kết quả biểu quyết bằng hình thức gửi phiếu ghi ý kiến tại phiên họp UBND tỉnh gần nhất.

Điều 9. Biên bản phiên họp UBND tỉnh

Các phiên họp UBND tỉnh phải được lập thành biên bản. Biên bản phải ghi đầy đủ nội dung các ý kiến phát biểu và diễn biến của phiên họp, ý kiến kết luận của chủ tọa phiên họp hoặc kết quả biểu quyết.

Điều 10. Thông tin về kết quả phiên họp UBND tỉnh

1. Kết quả phiên họp UBND tỉnh phải được thông báo kịp thời đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân sau đây:

- a) Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ;

b) Các thành viên UBND tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy, lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức đã được mời dự phiên họp;

c) Chủ tịch UBND cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan.

2. Đối với kết quả phiên họp UBND tỉnh liên quan đến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng và các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân trên địa bàn tỉnh thì ngay sau mỗi phiên họp, UBND tỉnh có trách nhiệm thông tin cho các cơ quan báo chí của tỉnh.

Chương III

CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 11. Các loại chương trình công tác

1. Chương trình công tác của UBND tỉnh gồm:

- a) Chương trình công tác năm;
- b) Chương trình công tác tháng;
- c) Lịch làm việc tuần.

2. Nội dung đưa vào chương trình công tác năm:

a) Chương trình tổng quát đề ra các định hướng, nhiệm vụ và giải pháp lớn của UBND tỉnh trên tất cả các lĩnh vực công tác;

b) Nội dung các phiên họp thường kỳ của UBND tỉnh và danh mục các báo cáo, đề án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và những vấn đề cần trình UBND tỉnh, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh trong năm.

3. Nội dung chương trình công tác tháng gồm:

- a) Nội dung phiên họp thường kỳ của UBND tỉnh;
- b) Danh mục các báo cáo, đề án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các vấn đề trình UBND tỉnh, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh trong tháng.

4. Lịch làm việc tuần của UBND tỉnh bao gồm: Các hoạt động của UBND tỉnh, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh theo từng ngày trong tuần.

5. UBND tỉnh, Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên UBND tỉnh tập trung chỉ đạo giải quyết những nội dung công việc trong chương trình công tác của UBND tỉnh đã được UBND tỉnh thông qua; các nhiệm vụ công tác đột xuất, cấp bách do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Điều 12. Trình tự xây dựng chương trình công tác, lịch làm việc tuần của UBND tỉnh

1. Chương trình công tác năm

a) Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện gửi văn bản đăng ký nội dung đưa vào chương trình công tác năm của UBND tỉnh. Nội dung đăng ký: Tên đề án, văn bản dự thảo, cơ quan chủ trì soạn thảo, cấp quyết định (Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh), căn cứ pháp lý, sự cần thiết, thời hạn trình;

b) Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm tổng hợp, xây dựng dự thảo chương trình công tác năm của UBND tỉnh; báo cáo Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, cho ý kiến;

c) Chương trình công tác năm sau của UBND tỉnh phải thông qua phiên họp thường kỳ cuối năm trước.

2. Chương trình công tác tháng

a) Căn cứ vào chương trình công tác năm của UBND tỉnh và những vấn đề phát sinh mới theo chỉ đạo của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh và đề xuất của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện; Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, xây dựng dự thảo chương trình công tác tháng sau của UBND tỉnh, báo cáo Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, cho ý kiến;

b) Chương trình công tác tháng sau của UBND tỉnh phải thông qua phiên họp thường kỳ tháng trước.

3. Lịch làm việc tuần của UBND tỉnh

a) Căn cứ chương trình công tác tháng và chỉ đạo của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh xây dựng dự thảo lịch làm việc tuần của UBND tỉnh, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định và thông báo cho các cơ quan liên quan trước 11 giờ thứ Sáu tuần trước;

b) Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị khi có nội dung cần báo cáo, đề xuất Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức lịch làm việc trong tuần thì phải có văn bản đăng ký với Văn phòng UBND tỉnh, chậm nhất vào thứ Tư tuần trước.

4. Văn phòng UBND tỉnh phải thường xuyên phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh để xây dựng chương trình công tác, lịch làm việc tuần của UBND tỉnh, của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh cho phù hợp từng thời gian.

5. Việc điều chỉnh chương trình công tác, lịch làm việc tuần của UBND tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, tổ chức và yêu cầu chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh.

Khi có sự điều chỉnh chương trình công tác và lịch làm việc, Văn phòng UBND tỉnh phải thông báo kịp thời cho các thành viên UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện.

6. Văn phòng UBND tỉnh là cơ quan quản lý chương trình công tác, lịch làm việc tuần của UBND tỉnh, có trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh trong việc xây dựng, điều chỉnh và tổ chức, đôn đốc thực hiện chương trình công tác, lịch làm việc của UBND tỉnh.

7. Chương trình công tác và lịch làm việc được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang tin điện tử của Văn phòng UBND tỉnh và được gửi đến hộp thư công vụ của các thành viên UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.

Điều 13. Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác

1. Hàng tháng, 6 tháng và năm, các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện rà soát, kiểm điểm việc thực hiện các đề án, công việc, văn bản đã được đưa vào chương trình công tác; thông báo với Văn phòng UBND tỉnh tiến độ, kết quả xử lý các đề án, công việc, văn bản do cơ quan mình chủ trì, các đề án, công việc còn tồn đọng, hướng xử lý tiếp theo; đồng thời điều chỉnh, bổ sung các đề án, công việc trong chương trình công tác thời gian tới.

2. Văn phòng UBND tỉnh giúp UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc chuẩn bị các đề án của các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, tổ chức khác; định kỳ 6 tháng và năm, báo cáo UBND tỉnh kết quả việc thực hiện chương trình công tác của UBND tỉnh.

Chương IV TRÁCH NHIỆM, PHẠM VI GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 14. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của UBND tỉnh

1. UBND tỉnh có trách nhiệm tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh và thực hiện các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

2. UBND tỉnh giải quyết công việc theo nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 17 và Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

UBND tỉnh thảo luận và quyết định tập thể đối với các vấn đề mà pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh và các vấn đề đột xuất, cấp thiết khác theo đề nghị của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Cách thức giải quyết công việc của UBND tỉnh:

a) Thảo luận và biểu quyết từng vấn đề tại phiên họp UBND tỉnh. Việc biểu quyết được thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này;

b) Đối với một số vấn đề do yêu cầu cấp bách hoặc không nhất thiết phải tổ chức thảo luận, biểu quyết tại phiên họp UBND tỉnh thì thực hiện bằng hình thức gửi phiếu ghi ý kiến. Việc gửi phiếu ghi ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này;

c) Đối với những công việc, văn bản thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh đã được pháp luật chuyên ngành quy định cụ thể, nội dung mang tính chất phát sinh thường xuyên và đảm bảo đầy đủ thành phần hồ sơ, thủ tục theo quy định của pháp luật, Văn phòng UBND tỉnh lập Phiếu trình, báo cáo Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách ngành, lĩnh vực xem xét, ký ban hành văn bản; đồng thời tổng hợp kết quả đã giải quyết, báo cáo tại phiên họp UBND tỉnh gần nhất.

Điều 15. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết công việc theo nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 22 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; cùng các thành viên khác của UBND tỉnh chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của UBND tỉnh trước HĐND tỉnh, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trước Nhân dân địa phương và trước pháp luật.

2. Trực tiếp chỉ đạo giải quyết hoặc giao Phó Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì, phối hợp giải quyết những vấn đề liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực ở địa phương. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch UBND tỉnh có thể thành lập các tổ chức tư vấn để tham mưu, giúp Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết công việc.

3. Chủ tịch UBND tỉnh phân công công tác đối với các Phó Chủ tịch UBND tỉnh và các Ủy viên UBND tỉnh. Tùy tình hình thực tế, Chủ tịch UBND tỉnh có thể điều chỉnh phân công công tác của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên UBND tỉnh.

4. Chủ tịch UBND tỉnh ký thay mặt UBND tỉnh hoặc ký theo thẩm quyền đối với các văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Quy chế này; đồng thời chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức thi hành các văn bản đó tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

5. Ủy nhiệm Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh lãnh đạo, điều hành công tác của UBND tỉnh khi Chủ tịch vắng mặt. Khi Chủ tịch và Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh đồng thời vắng mặt, Chủ tịch UBND tỉnh ủy nhiệm một Phó Chủ tịch UBND tỉnh khác lãnh đạo, điều hành công tác của UBND tỉnh.

Điều 16. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Phó Chủ tịch UBND tỉnh

1. Thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch UBND tỉnh và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ được giao; cùng với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch chịu trách nhiệm tập thể đối với những nội dung, công việc mà Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đã họp, thống nhất;

cùng các thành viên khác của UBND tỉnh chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của UBND tỉnh.

2. Phó Chủ tịch UBND tỉnh được sử dụng quyền hạn của Chủ tịch UBND tỉnh, nhân danh Chủ tịch UBND tỉnh khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực phân công và chịu trách nhiệm cá nhân trực tiếp, toàn diện, mọi mặt trước pháp luật, trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh chủ động điều hành giải quyết công việc trong phạm vi quyền hạn được giao.

Trong trường hợp có vấn đề liên quan đến các lĩnh vực do Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh khác phụ trách, những vấn đề chưa được pháp luật quy định cụ thể, phức tạp hoặc phát sinh ngoài kế hoạch thì Phó Chủ tịch UBND tỉnh đang chủ trì xử lý công việc báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh hoặc trao đổi, phối hợp với Phó Chủ tịch UBND tỉnh khác để giải quyết. Trường hợp có ý kiến khác nhau giữa các Phó Chủ tịch UBND tỉnh thì báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh quyết định. Đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh thì báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đưa ra phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cuộc họp của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh thảo luận, quyết định.

4. Hàng tuần, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tổng hợp tình hình công việc do mình phụ trách và các kiến nghị, đề xuất (nếu có), báo cáo Chủ tịch tại cuộc họp giao ban của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

5. Tham dự đầy đủ các phiên họp UBND tỉnh; thảo luận và biểu quyết những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh.

6. Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký thay Chủ tịch UBND tỉnh đối với các văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Quy chế này hoặc khi được Chủ tịch UBND tỉnh ủy nhiệm; chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức thi hành các văn bản đó tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 17. Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh

1. Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh được UBND tỉnh phân công trong số các Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Ngoài việc thực hiện nhiệm vụ theo Điều 16 Quy chế này, Phó Chủ tịch Thường trực được Chủ tịch UBND tỉnh ủy nhiệm lãnh đạo, điều hành công tác của UBND tỉnh và giải quyết một số công việc của Chủ tịch UBND tỉnh khi Chủ tịch vắng mặt.

Điều 18. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Ủy viên UBND tỉnh

1. Được Chủ tịch UBND tỉnh phân công phụ trách ngành, lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ được giao; cùng các thành viên khác của UBND tỉnh chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của UBND tỉnh; báo cáo công tác trước HĐND tỉnh khi được yêu cầu.

2. Tham dự đầy đủ các phiên họp UBND tỉnh; thảo luận và biểu quyết những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh.

3. Ủy viên UBND tỉnh là người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước cơ quan quản lý nhà nước cấp trên về ngành, lĩnh vực; có trách nhiệm xem xét, trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết các đề nghị của tổ chức, cá nhân thuộc ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.

4. Theo dõi, chỉ đạo cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phân công phụ trách thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh là người tham mưu cho UBND tỉnh và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực được giao; chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về công tác chuyên môn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương quản lý chuyên ngành, lĩnh vực.

2. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh có trách nhiệm chấp hành nghiêm các quyết định, chỉ đạo của cấp trên. Trong trường hợp chậm hoặc không thực hiện được thì phải kịp thời báo cáo rõ lý do; nếu phát hiện quyết định đó trái pháp luật thì phải báo cáo ngay với người ra quyết định.

3. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh khi giải quyết vấn đề thuộc thẩm quyền nhưng có liên quan đến cơ quan khác thì phải chủ động phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan đó để giải quyết. Thủ trưởng các cơ quan được hỏi ý kiến phải có trách nhiệm trả lời theo đúng thẩm quyền, tạo điều kiện cho cơ quan chủ trì thực hiện tốt nhiệm vụ.

4. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh giải quyết các công việc sau:

- a) Công việc thuộc thẩm quyền, chức năng được pháp luật quy định;
- b) Tiếp nhận, giải quyết đúng thẩm quyền những vấn đề, kiến nghị của tổ chức, doanh nghiệp và công dân đề xuất, kiến nghị có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, ngành mình phụ trách; trình Chủ tịch UBND tỉnh những vấn đề vượt thẩm quyền hoặc những vấn đề đã phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết nhưng ý kiến chưa thống nhất;
- c) Tham gia đề xuất ý kiến về những công việc chung của UBND tỉnh và thực hiện một số công việc cụ thể theo phân công của Chủ tịch UBND tỉnh và phân cấp của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương quản lý chuyên ngành;

d) Tham gia ý kiến với các cơ quan chuyên môn khác cùng cấp và UBND cấp huyện để xử lý các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền;

đ) Xây dựng, trình UBND tỉnh quyết định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu, tổ chức của cơ quan do mình phụ trách;

e) Thực hiện công tác cải cách hành chính trong nội bộ cơ quan và tham gia công tác cải cách hành chính của địa phương;

g) Triển khai thực hiện ứng dụng khoa học và công nghệ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc. Việc thu thập, trao đổi, phối hợp xử lý thông tin tăng cường thực hiện trên môi trường mạng. Tăng cường, mở rộng hình thức họp trực tuyến.

Điều 20. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Chánh Văn phòng UBND tỉnh

1. Chánh Văn phòng UBND tỉnh chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 19 của Quy chế này.

2. Giúp UBND tỉnh, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình hoạt động của UBND tỉnh và của các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện về hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh tại địa phương; báo cáo tình hình hoạt động của UBND tỉnh tại các cuộc họp giao ban hàng tuần của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

b) Tổ chức việc cung cấp thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

c) Tham mưu chuẩn bị nội dung, tổ chức các phiên họp thường kỳ, chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất của UBND tỉnh và các cuộc họp của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

d) Tham mưu, giúp Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành hoạt động chung của các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh;

đ) Xây dựng, trình UBND tỉnh thông qua Quy chế làm việc của UBND tỉnh và giúp UBND tỉnh theo dõi, kiểm điểm việc thực hiện Quy chế làm việc. Giúp Chủ tịch UBND tỉnh xây dựng và chỉ đạo thực hiện các Quy chế phối hợp công tác giữa UBND tỉnh với Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, các cơ quan, tổ chức của Chính phủ, các bộ, ngành, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và các đơn vị khác;

e) Đề xuất với Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định giao các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng cơ chế, chính sách, các đề án, dự án, văn bản pháp luật để trình cấp có thẩm quyền quyết định;

g) Chủ trì làm việc với lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan để giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh mà các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện còn có ý kiến khác nhau theo ủy nhiệm của Chủ tịch UBND tỉnh;

h) Được yêu cầu các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, HĐND và UBND cấp huyện, các cơ quan, tổ chức liên quan cung cấp tài liệu, số liệu và văn bản liên quan hoặc tham dự các cuộc họp, làm việc để nắm tình hình, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Kiểm tra, ký tắt và trình Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký các văn bản thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh và của Chủ tịch UBND tỉnh. Tổ chức việc phát hành và quản lý các văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh giao.

Điều 21. Quan hệ phối hợp công tác của UBND tỉnh

1. UBND tỉnh giữ mối liên hệ thường xuyên với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương và các cơ quan có liên quan của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Tỉnh ủy và các Ban Đảng, cơ quan thuộc Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

2. UBND tỉnh phối hợp chặt chẽ với Thường trực HĐND tỉnh và các Ban của HĐND tỉnh trong việc chuẩn bị chương trình, nội dung làm việc của kỳ họp HĐND tỉnh, các báo cáo, đề án trình kỳ họp HĐND tỉnh; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu giải quyết theo thẩm quyền các kiến nghị của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh và các Ban của HĐND tỉnh; trả lời chất vấn của đại biểu HĐND tỉnh và các kiến nghị của cử tri tại các cuộc tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND tỉnh và của đại biểu Quốc hội tỉnh.

UBND tỉnh cung cấp kịp thời cho Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh và các đại biểu HĐND tỉnh những văn bản, tài liệu của UBND tỉnh để Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh có cơ sở kiểm tra, giám sát và phục vụ yêu cầu hoạt động.

3. UBND tỉnh tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh động viên Nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của UBND tỉnh.

UBND tỉnh thực hiện chế độ thông báo tình hình của tỉnh cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; lắng nghe, giải quyết và trả lời các kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh về xây dựng chính quyền và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

4. UBND tỉnh phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm, các hành vi vi phạm hiến pháp và pháp luật, giữ vững kỷ luật, kỷ cương hành chính, tuyên truyền giáo dục pháp luật nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Chương V

GIẢI QUYẾT CÁC CÔNG VIỆC THƯỜNG XUYÊN CỦA CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 22. Cách thức giải quyết công việc của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh

1. Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết công việc trên cơ sở hồ sơ, tài liệu trình của cơ quan chủ trì xây dựng đề án và Phiếu trình giải quyết công việc do Chánh Văn phòng UBND tỉnh trình (sau đây viết tắt là Phiếu trình; có Phụ lục mẫu Phiếu trình kèm theo), theo chương trình, kế hoạch công tác và tình hình thực tế tại địa phương.

2. Họp giải quyết công việc với lãnh đạo các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan để giải quyết công việc thường xuyên.

3. Trực tiếp giải quyết công việc tại địa phương, cơ sở.

4. Thành lập các tổ chức tư vấn giúp chỉ đạo một số nhiệm vụ quan trọng hoặc vấn đề liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực và địa phương.

5. Trong quá trình xử lý công việc, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh có trách nhiệm thông báo cho nhau những vấn đề quan trọng được mình chỉ đạo giải quyết, vấn đề liên quan đến ngành, lĩnh vực do Phó Chủ tịch khác phụ trách.

Điều 23. Trách nhiệm của Văn phòng UBND tỉnh trong việc trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết công việc

1. Văn phòng UBND tỉnh chỉ trình Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh những vấn đề thuộc phạm vi giải quyết của UBND tỉnh, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh được quy định tại Điều 14, Điều 15, Điều 16 và đảm bảo đầy đủ hồ sơ được quy định tại Điều 28 của Quy chế này.

2. Đối với các văn bản, hồ sơ công việc không thuộc nhiệm vụ, quyền hạn, phạm vi, trách nhiệm giải quyết của UBND tỉnh, của Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND tỉnh:

a) Đối với các cơ quan, đơn vị có liên thông phần mềm quản lý văn bản: Văn phòng UBND tỉnh chủ động gửi trả lại qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản;

b) Các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân không liên thông phần mềm quản lý văn bản: Văn phòng UBND tỉnh có văn bản chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật và thông báo cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân gửi văn bản, hồ sơ công việc biết, thực hiện.

3. Khi nhận được hồ sơ của các cơ quan trình Chủ tịch UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm:

a) Kiểm tra hồ sơ, trình tự, thủ tục soạn thảo, thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo văn bản;

b) Tóm tắt nội dung, nêu rõ thẩm quyền quyết định, sự đồng bộ trong chỉ đạo, điều hành của UBND, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh đối với vấn đề liên quan, đề xuất một trong các phương án: Ban hành, phê duyệt; đưa ra phiên họp UBND tỉnh; gửi lấy ý kiến các thành viên UBND tỉnh, thông báo ý kiến của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu cơ quan soạn thảo hoàn chỉnh lại, lấy thêm ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Quy chế này;

Trong quá trình xử lý hồ sơ, nếu còn những vấn đề có ý kiến khác nhau, chủ trì họp với cơ quan trình và các tổ chức, cá nhân có liên quan để trao đổi, thống nhất trước khi trình. Trường hợp vẫn chưa thống nhất, Văn phòng UBND tỉnh được bảo lưu ý kiến và trình bày rõ trong Phiếu trình, trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định;

c) Đối với dự thảo báo cáo, bài phát biểu: Phối hợp với các cơ quan liên quan biên tập, hoàn chỉnh theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Chậm nhất là 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ, Văn phòng UBND tỉnh phải hoàn thành công việc kiểm tra và lập Phiếu trình, kèm theo đầy đủ hồ sơ, tài liệu, trình Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký, ban hành.

5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm ban hành quy chế làm việc, quy chế văn thư lưu trữ của Văn phòng UBND tỉnh để cụ thể hóa các quy định về quy trình, hồ sơ, nội dung trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 24. Xử lý hồ sơ trình và thông báo kết quả

1. Hàng ngày (trừ các ngày vắng mặt, ngày lễ, ngày nghỉ theo quy định của pháp luật), Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh sắp xếp, bố trí thời gian họp lý có mặt tại phòng làm việc để lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh báo cáo, thỉnh thị ý kiến giải quyết công việc.

2. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, giải quyết công việc thường xuyên chủ yếu trên cơ sở các hồ sơ, tài liệu của cơ quan trình và Phiếu trình của Văn phòng UBND tỉnh.

3. Chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày Văn phòng UBND tỉnh trình, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến vào Phiếu trình và chuyển lại Văn phòng UBND tỉnh để xử lý theo chỉ đạo.

4. Đối với các nội dung trình là các đề án, chương trình, kế hoạch, quy hoạch, văn bản quy phạm pháp luật, những vấn đề quan trọng và phức tạp (sau đây gọi chung là đề án), Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh có thể yêu cầu Thủ trưởng cơ quan trình và cơ quan liên quan giải trình cụ thể, chi tiết trước khi xem xét, quyết định. Văn phòng UBND tỉnh thông báo cho Thủ trưởng cơ quan trình chuẩn bị nội dung và tổ chức buổi làm việc.

5. Đối với các đề án thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, sau khi xem xét, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh quyết định:

a) Chấp thuận việc trình đề án ra phiên họp UBND tỉnh;

b) Yêu cầu chuẩn bị thêm nội dung nếu xét thấy đề án chưa đảm bảo yêu cầu;

c) Cho phép áp dụng hình thức lấy ý kiến các thành viên UBND tỉnh thông qua phiếu ghi ý kiến được quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

6. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi có ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh về đề án, Văn phòng UBND tỉnh phải thông báo cho Thủ trưởng cơ quan trình biết, thực hiện.

a) Trường hợp phải hoàn chỉnh dự thảo đề án, Thủ trưởng cơ quan trình phải hoàn chỉnh lại dự thảo để trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

b) Trường hợp dự thảo đề án được UBND tỉnh, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh thông qua thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với cơ quan trình hoàn chỉnh các nội dung cần thiết để trình Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành.

7. Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ của cơ quan trình, nếu Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh chưa có ý kiến thì Chánh Văn phòng UBND tỉnh phải xin ý kiến của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh và thông báo cho cơ quan trình biết rõ lý do.

Điều 25. Tổ chức các cuộc họp, giải quyết công việc của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh để xử lý công việc

1. Họp giải quyết công việc thường xuyên

a) Văn phòng UBND tỉnh dự kiến nội dung, thành phần, thời gian và địa điểm tổ chức họp, trao đổi thống nhất với các cơ quan liên quan chuẩn bị các tài liệu, báo cáo trình bày tại cuộc họp trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh quyết định;

b) Khi được sự đồng ý của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh gửi Giấy mời cùng tài liệu họp đến các thành phần được mời; chuẩn bị địa điểm và các điều kiện phục vụ cuộc họp; phân công người ghi biên bản cuộc họp (khi cần thiết có thể ghi âm); sau cuộc họp phải có thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

c) Cơ quan được phân công chuẩn bị báo cáo có trách nhiệm:

- Chuẩn bị kịp thời, đầy đủ tài liệu họp theo thông báo của Văn phòng UBND tỉnh; chuẩn bị ý kiến giải trình về các vấn đề liên quan đến nội dung báo cáo.

- Sau cuộc họp, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh hoàn chỉnh đề án, báo cáo và dự thảo thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh. Trong thời gian 03 ngày làm việc, Văn phòng UBND tỉnh trình dự thảo thông báo ý kiến kết luận cho người chủ trì cuộc họp xem xét, có ý kiến để hoàn chỉnh ban hành.

d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời họp có trách nhiệm đến dự họp đúng thành phần, thời gian và phát biểu ý kiến về những vấn đề liên quan;

đ) Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh điều hành cuộc họp, giải quyết dứt điểm lần lượt từng vấn đề.

2. Họp giao ban giữa Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (gọi tắt là giao ban Thường trực UBND tỉnh):

a) Giao ban Thường trực UBND tỉnh được tổ chức định kỳ hàng tuần hoặc theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh;

b) Nội dung cuộc họp giao ban gồm: Tóm tắt các hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND tỉnh; những vấn đề mà Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh cần trao đổi, thảo luận và quyết định tập thể theo quy định tại Quy chế này; các vấn đề khác do Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh đề xuất;

c) Thành phần mời dự: Chánh Văn phòng và các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng một số phòng và đơn vị trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh. Trường hợp cần thiết có thể mời các thành viên UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện và cá nhân có liên quan dự họp;

d) Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì họp giao ban. Khi Chủ tịch UBND tỉnh vắng mặt thì Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh chủ trì họp giao ban;

đ) Việc tổ chức cuộc họp giao ban Thường trực UBND tỉnh được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Họp giải quyết công việc với Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện:

a) Mỗi quý một lần, Chủ tịch UBND tỉnh họp giải quyết công việc với Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện về tình hình thực hiện chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân



sách của tỉnh, sự chấp hành chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và thực hiện Quy chế này;

b) Khi cần thiết, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh họp giải quyết công việc với các cơ quan thuộc ngành, lĩnh vực mình phụ trách để kiểm tra, nắm tình hình, đôn đốc thực hiện chương trình công tác và chỉ đạo những vấn đề phát sinh đột xuất; Chủ tịch UBND tỉnh triệu tập Thủ trưởng một số cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện họp bàn giải quyết các vấn đề liên quan đến các cơ quan, địa phương đó.

4. Định kỳ 6 tháng một lần, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm việc với các cơ quan, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Đồng thời, bố trí thời gian họp lý để tiếp xúc, gặp gỡ đại diện các doanh nghiệp, Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài, Hiệp hội ngành nghề trong nước, đại diện tổ chức công đoàn các doanh nghiệp... để trao đổi ý kiến, giải quyết những khó khăn, vướng mắc của cơ quan, doanh nghiệp và người lao động.

5. Ngoài ra, tùy theo yêu cầu chỉ đạo, điều hành, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức các cuộc họp chuyên đề khác để giải quyết công việc.

Điều 26. Tổ chức họp của các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện có mời Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh dự

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tổ chức các cuộc họp, trong phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị mình.

2. Đối với những vấn đề quan trọng liên ngành vượt thẩm quyền hoặc để giải quyết những vấn đề còn có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan, đơn vị, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh có văn bản báo cáo, đề nghị tổ chức cuộc họp giải quyết công việc của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh để Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, cho ý kiến giải quyết.

3. Các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện khi có nhu cầu mời Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh dự họp hoặc làm việc phải có văn bản đăng ký trước với Văn phòng UBND tỉnh để phối hợp chuẩn bị nội dung, bố trí lịch làm việc và phân công tổ chức, cá nhân theo dõi, phối hợp chuẩn bị. Đối với những vấn đề cấp bách, Chánh Văn phòng UBND tỉnh trực tiếp báo cáo và chủ động đề xuất nội dung và thời gian để Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo tổ chức làm việc với cơ quan, đơn vị, xử lý kịp thời vấn đề phát sinh.

4. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện không cứ, không ủy quyền cho cấp dưới báo cáo, làm việc với Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh, trừ trường hợp được Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh đồng ý hoặc triệu tập đích danh.

Chương VI

THỦ TỤC TRÌNH, BAN HÀNH VĂN BẢN

Điều 27. Thủ tục gửi văn bản, trình giải quyết công việc

1. Tất cả các văn bản, hồ sơ trình giải quyết công việc gửi UBND tỉnh, Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND tỉnh phải được đăng ký vào sổ văn bản đến và phải được số hóa, theo dõi trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc của Văn phòng UBND tỉnh (trừ các văn bản, hồ sơ công việc có dấu mật, nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật).

Trường hợp cá nhân thuộc Văn phòng UBND tỉnh nhận trực tiếp, phải chuyển lại cho văn thư của Văn phòng UBND tỉnh để làm thủ tục đăng ký văn bản đến theo quy định. Việc phát hành, chuyển công văn, tờ trình phải có ý kiến của lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh trước khi chuyển đến địa chỉ xử lý theo thẩm quyền.

2. Các văn bản, hồ sơ trình của các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện và của các tổ chức, cá nhân trình UBND tỉnh, Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND tỉnh phải do cấp trưởng (hoặc ủy quyền cho cấp phó), chủ thể (đối với cá nhân) ký và đóng dấu đúng thẩm quyền, đảm bảo thể thức ban hành văn bản theo quy định.

a) Các công văn, tờ trình trình giải quyết công việc phải là bản chính. Chỉ gửi một bản đến một địa chỉ có thẩm quyền xử lý, nếu cần gửi đến các cơ quan có liên quan để báo cáo hoặc phối hợp thì chỉ ghi tên cơ quan đó ở phần nơi nhận văn bản;

b) Song song với việc gửi văn bản giấy, các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện phải sử dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc có chữ ký số để gửi văn bản điện tử liên thông theo quy định.

3. Theo sự phân công chuẩn bị các đề án đã được nêu trong chương trình công tác của UBND tỉnh, cơ quan chủ trì lập đề án, lập kế hoạch chuẩn bị từng đề án theo đúng yêu cầu, phạm vi giải quyết vấn đề trong đề án và bảo đảm thời hạn trình đề án đã được UBND tỉnh ấn định.

Nếu cơ quan chủ trì đề án muốn thay đổi yêu cầu, phạm vi giải quyết vấn đề hoặc thời hạn trình đề án thì phải báo cáo, đề xuất bằng văn bản và được sự đồng ý của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách ngành, lĩnh vực.

4. Đề án hoặc dự thảo văn bản (sau đây gọi chung là đề án) trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thuộc ngành, lĩnh vực nào thì Thủ trưởng phụ trách ngành và lĩnh vực đó làm chủ đề án (sau đây gọi là cơ quan chủ trì đề án), phải chịu trách nhiệm bảo đảm nội dung, thể thức hành chính và thời hạn trình.

5. Đối với những đề án có liên quan đến nhiều sở, ngành, lĩnh vực hoặc có nội dung phức tạp thì Chủ tịch UBND tỉnh chỉ định một cơ quan đầu mối đại diện liên ngành để chủ trì phối hợp, chuẩn bị.

6. Trong quá trình chuẩn bị đề án, Thủ trưởng cơ quan chủ trì đề án có quyền:

a) Mời Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện có liên quan đến đề án hoặc cử cán bộ tham gia xây dựng đề án. Các cơ quan được mời có trách nhiệm cử người tham gia theo yêu cầu của cơ quan chủ trì đề án. Đối với những đề án có liên quan đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh thì phải mời đại diện tham gia hoặc hỏi ý kiến (bằng văn bản) lãnh đạo của các đơn vị này;

b) Gửi dự thảo đề án đến Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện có liên quan để lấy ý kiến:

- Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện khi được hỏi ý kiến, có trách nhiệm trình bày ý kiến chính thức của mình bằng văn bản trong thời hạn hợp lý do Thủ trưởng các cơ quan chủ trì đề án đề nghị. Sau thời hạn quy định nếu cơ quan được hỏi ý kiến không trả lời thì xem như đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của sở, ngành, cơ quan mình trong việc tham gia đề án đó;

- Nếu hồ sơ đề án chưa đủ rõ hoặc do vấn đề phức tạp cần có thêm thời gian nghiên cứu thì cơ quan được hỏi ý kiến có quyền yêu cầu chủ đề án làm rõ hoặc cung cấp thêm hồ sơ tài liệu cần thiết và thỏa thuận thời gian trả lời, nhưng tối đa không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày thỏa thuận;

- Cơ quan chủ trì đề án phải báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp của các cơ quan liên quan đối với đề án do mình chủ trì;

c) Tổ chức họp để thảo luận và lấy ý kiến về dự thảo đề án: Thủ trưởng cơ quan chủ trì đề án phải gửi tài liệu cho cơ quan được mời ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Nếu là đề án có nhiều nội dung quan trọng thì thời hạn ít nhất là 07 ngày làm việc trước ngày họp. Cơ quan được mời họp phải cử thành phần có đủ thẩm quyền dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp.

7. Các cơ quan, tổ chức khác không thuộc phạm vi quản lý hành chính của UBND tỉnh, thủ tục gửi văn bản đến UBND tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về công tác văn thư và các quy định pháp luật khác có liên quan. Thủ tục gửi công văn của cơ quan, tổ chức nước ngoài đến UBND tỉnh có thể thực hiện theo thông lệ quốc tế.

Điều 28. Hồ sơ trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết công việc

1. Phiếu trình của Văn phòng UBND tỉnh, trình đích danh Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh theo thẩm quyền giải quyết công việc.

Trong Phiếu trình phải ghi rõ nội dung trình, tên cơ quan trình, tóm tắt nội dung, ý kiến của các cơ quan liên quan (gồm cả ý kiến khác nhau); ý kiến đề xuất của chuyên viên theo dõi, ý kiến của lãnh đạo cấp phòng và lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh.

2. Văn bản của cơ quan trình.
3. Dự thảo văn bản trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ký và các dự thảo văn bản hướng dẫn thi hành (nếu có).
4. Báo cáo thẩm định của cơ quan chức năng (nếu có).
5. Ý kiến của các cơ quan liên quan đến vấn đề trình.
6. Bảng tổng hợp ý kiến và giải trình về nội dung dự thảo văn bản.
7. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Điều 29. Quy định về việc ký văn bản

1. Chủ tịch UBND tỉnh ký thay mặt UBND tỉnh hoặc ký theo thẩm quyền đối với các văn bản sau:

- a) Thay mặt UBND tỉnh ký các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh;
- b) Các quyết định, chỉ thị để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND tỉnh; các văn bản chỉ đạo, điều hành thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh;
- c) Quyết định đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ văn bản trái pháp luật của cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh và văn bản trái pháp luật của UBND, Chủ tịch UBND cấp huyện; đình chỉ việc thi hành văn bản trái pháp luật của HĐND cấp huyện, báo cáo UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh bãi bỏ;
- d) Quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân theo quy định của pháp luật;
- đ) Tờ trình, báo cáo của UBND tỉnh gửi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh;
- e) Các văn bản khác theo thẩm quyền.

2. Phó Chủ tịch UBND tỉnh:

a) Ký thay Chủ tịch UBND tỉnh các văn bản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh đối với lĩnh vực được phân công phụ trách; ký thay Chủ tịch UBND tỉnh các văn bản thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh đối với lĩnh vực được Chủ tịch UBND tỉnh phân công phụ trách. Trường hợp Phó Chủ tịch UBND tỉnh đi vắng, Chủ tịch UBND tỉnh ký hoặc phân công một Phó Chủ tịch UBND tỉnh khác ký văn bản thuộc lĩnh vực được phân công của Phó Chủ tịch UBND tỉnh đi vắng;

b) Ký các văn bản, báo cáo gửi các cơ quan Trung ương, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh thuộc ngành, lĩnh vực được Chủ tịch UBND tỉnh phân công phụ trách; những vấn đề quan trọng, nhạy cảm thì Phó Chủ tịch UBND tỉnh được phân công phụ trách phải báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh cho ý kiến trước khi ký ban hành.

3. Ủy viên UBND tỉnh, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh ngoài việc ký các văn bản thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật còn

được ký một số văn bản hành chính theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh. Việc ủy quyền phải bằng văn bản và có thời hạn nhất định. Người được Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh ngoài việc ký các văn bản thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật, được ký thừa lệnh Chủ tịch UBND tỉnh các văn bản sau:

a) Giấy mời họp, thư mời họp; văn bản thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại các cuộc họp do Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì;

b) Văn bản thông báo kết quả xử lý các công việc cụ thể của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh để các cơ quan liên quan biết và thực hiện;

c) Văn bản chuyển đến các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện để tổ chức triển khai thực hiện các văn bản của cấp trên hoặc xem xét, giải quyết đối với các kiến nghị, đề xuất của các tổ chức, cá nhân theo quy định;

d) Các văn bản khác theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 30. Phát hành, công bố các văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh

1. Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm phát hành các văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ký đối với văn bản quy phạm pháp luật và không quá 02 ngày làm việc đối với văn bản hành chính khác; bảo đảm đúng quy định về công tác văn thư, lưu trữ.

2. Các văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành có liên quan trực tiếp đến giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ của công dân phải được thông báo hoặc niêm yết công khai tại trụ sở các cơ quan có liên quan giải quyết.

3. Các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh phải đăng Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh (trừ văn bản có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước).

4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh quản lý thống nhất và tổ chức việc đăng Công báo tỉnh và gửi đăng văn bản trên mạng tin học diện rộng của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của Văn phòng UBND tỉnh.

Chương VII KIỂM TRA VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN

Điều 31. Nguyên tắc kiểm tra

1. Kiểm tra việc thi hành văn bản phải được tiến hành thường xuyên và có kế hoạch. Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền kiểm tra quyết định kế hoạch và hình thức kiểm tra.

2. Kiểm tra phải bảo đảm dân chủ, công khai, đúng pháp luật, không gây phiền hà và không làm cản trở đến hoạt động bình thường của đơn vị được kiểm tra.

3. Quá trình kiểm tra phải lập biên bản kiểm tra; khi kết thúc kiểm tra phải có kết luận rõ ràng, nếu phát hiện có sai phạm phải xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 32. Phạm vi kiểm tra

1. UBND tỉnh kiểm tra việc thi hành các văn bản của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương; HĐND tỉnh, UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện kiểm tra việc thi hành các văn bản trong phạm vi quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý của cơ quan mình.

Điều 33. Phương thức kiểm tra việc thi hành văn bản

1. UBND tỉnh quyết định thành lập Đoàn kiểm tra trong trường hợp đặc biệt.

2. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Đoàn kiểm tra hoặc phân công thành viên UBND tỉnh, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh chủ trì kiểm tra việc thi hành các văn bản chỉ đạo đối với những ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án cụ thể; chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính và thực thi các quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh kiểm tra thông qua làm việc trực tiếp với các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, HĐND và UBND cấp huyện.

4. Văn phòng UBND tỉnh giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh kiểm tra việc thi hành các văn bản của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh đối với các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện và tổ chức, cá nhân tại địa phương.

5. Chủ tịch UBND cấp huyện và Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh kiểm tra thường xuyên, định kỳ hoặc đột xuất việc thi hành các văn bản trong phạm vi quản lý của cơ quan mình.

Điều 34. Báo cáo kết quả kiểm tra

1. Khi kết thúc kiểm tra, người chủ trì việc kiểm tra phải báo cáo kết quả với cấp trên có thẩm quyền; nếu phát hiện có sai phạm thì xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Định kỳ hàng quý, các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh tình hình kiểm tra việc thi hành các văn bản thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

3. Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp chung, báo cáo UBND tỉnh tình hình kiểm tra việc thi hành văn bản tại phiên họp của UBND tỉnh vào cuối quý.

Chương VIII

TIẾP KHÁCH, ĐI CÔNG TÁC

Điều 35. Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tiếp khách trong nước

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tiếp xã giao, gặp mặt các đoàn đại biểu, khách đến thăm, làm việc tại địa phương khi:

a) Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp mời hoặc theo chỉ đạo của cấp trên;

b) Tiếp khách theo đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND cấp huyện.

c) Tiếp theo đề nghị của khách.

2. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch HĐND và Chủ tịch UBND cấp huyện; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh khi có nhu cầu đề nghị Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tiếp khách phải có văn bản gửi Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày dự kiến tiếp để bố trí vào lịch làm việc tuần của UBND tỉnh, trừ trường hợp đặc biệt, khách quan; văn bản phải nêu rõ nội dung, hình thức cuộc tiếp, số lượng khách, thời gian và địa điểm tiếp; kèm theo các hồ sơ cần thiết về nội dung, thời gian, thành phần, hoạt động của khách tại địa bàn tỉnh và các đề xuất, kiến nghị.

Cơ quan chủ trì mời phải phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh chuẩn bị nội dung và tổ chức tiếp khách đạt kết quả tốt.

3. Văn phòng UBND tỉnh có nhiệm vụ:

a) Báo cáo Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh về đề nghị tiếp khách của các cơ quan, đơn vị. Khi được Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh đồng ý tiếp thì phải thông báo kịp thời ý kiến của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh cho các cơ quan liên quan biết; đồng thời đưa vào lịch làm việc tuần của UBND tỉnh;

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan chuẩn bị nội dung tiếp khách. Trường hợp cần thiết, theo chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh đề nghị các cơ quan liên quan chuẩn bị một số nội dung cụ thể của cuộc tiếp;

c) Mời các cơ quan truyền hình, báo chí dự để đưa tin;

d) Phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức phục vụ và bảo đảm an toàn cho cuộc tiếp; tổ chức triển khai thực hiện các công việc cần thiết sau cuộc tiếp.

Điều 36. Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tiếp khách nước ngoài

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tiếp khách nước ngoài, gồm các hình thức: Tiếp xã giao, tiếp làm việc (chính thức hoặc không chính thức) theo giới thiệu

của các cơ quan Trung ương, đề nghị của các cơ quan, tổ chức trong tỉnh và các đề nghị trực tiếp của khách với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Các cơ quan, tổ chức trong tỉnh khi có nhu cầu đề nghị Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tiếp các đối tác nước ngoài của cơ quan, tổ chức mình, phải có văn bản đề nghị nêu rõ nội dung và hình thức cuộc tiếp, thời gian dự kiến tiếp, thành phần và tiêu sử tóm tắt thành viên trong đoàn khách nước ngoài, chương trình hoạt động của khách tại địa phương và các vấn đề liên quan khác, các đề xuất và kiến nghị, gửi Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh, đồng thời gửi Sở Ngoại vụ và Văn phòng UBND tỉnh ít nhất 05 ngày làm việc, trước ngày dự kiến tiếp. Các cơ quan, tổ chức chỉ được tiếp và làm việc với khách nước ngoài khi được sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch đón tiếp các đoàn khách nước ngoài đến thăm và làm việc với Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; tổ chức thực hiện công tác lễ tân đối ngoại, đón tiếp, bố trí phương tiện đi lại, nơi ăn, nghỉ, tặng phẩm (nếu có) cho các đoàn khách nước ngoài theo quy định; hướng dẫn các cơ quan, tổ chức trong tỉnh thực hiện đúng chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước, đảm bảo yêu cầu về chính trị, đối ngoại, nghi thức và phong tục, tập quán của Việt Nam.

4. Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Ngoại vụ thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 35 của Quy chế này.

Điều 37. Chế độ đi công tác

1. Hàng tháng, thành viên UBND tỉnh phải dành thời gian đi công tác cơ sở để kiểm tra, nắm tình hình triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quyết định, chỉ thị, văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND tỉnh; gặp gỡ tiếp xúc, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân; nắm tình hình ở cơ sở để kịp thời chỉ đạo và đề xuất những giải pháp giúp địa phương, cơ sở khắc phục khó khăn.

2. Thành viên UBND tỉnh đi công tác cơ sở phải có kế hoạch trước. Trường hợp đi công tác, làm việc ngoài tỉnh hoặc làm việc với các bộ, ngành Trung ương trên 07 ngày phải báo cáo Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách ngành, lĩnh vực.

3. Trong thời gian HĐND tỉnh và UBND tỉnh họp, các thành viên UBND tỉnh không bố trí đi công tác, trừ trường hợp đặc biệt được Chủ tịch UBND tỉnh đồng ý.

4. Ủy viên UBND tỉnh, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện và các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này, khi có nhu cầu đi nước ngoài (kể cả việc công và việc riêng) phải báo cáo bằng văn bản và chỉ đi khi có quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.

Văn bản đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh cho phép đi nước ngoài phải gửi đến UBND tỉnh ít nhất 05 ngày làm việc, trước ngày dự định xuất cảnh.

5. Các thành viên UBND tỉnh, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện đi công tác theo sự chỉ đạo hoặc ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh, khi về phải kịp thời báo cáo kết quả làm việc với Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách ngành, lĩnh vực.

6. Văn phòng UBND tỉnh có nhiệm vụ:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch đi thăm và làm việc của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại các đơn vị, cơ sở. Đồng thời, thông báo cho các đơn vị, cơ sở và cơ quan liên quan biết kết quả các cuộc thăm và làm việc chính thức của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

b) Giúp Chủ tịch UBND tỉnh tổng hợp, cân đối chương trình đi công tác của các thành viên UBND tỉnh để bảo đảm hiệu quả;

c) Theo dõi tình hình đi công tác của các thành viên UBND tỉnh, báo cáo UBND tỉnh trong phiên họp UBND tỉnh 6 tháng và cuối năm.

Chương IX **THANH TRA, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO** **TỔ CHỨC TIẾP CÔNG DÂN**

Điều 38. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Chủ tịch UBND tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và tổ chức tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

2. Chỉ đạo Chánh Thanh tra tỉnh, Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện phối hợp thực hiện nghiêm túc công tác thanh tra, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

Định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất, Chủ tịch UBND tỉnh họp với các Phó Chủ tịch UBND tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan để giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo.

3. Chủ tịch UBND tỉnh chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi để xảy ra tình trạng tham nhũng, lãng phí, gây thiệt hại lớn, những vụ việc khiếu kiện tồn đọng kéo dài, gay gắt, đông người, vượt cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương mình.

4. Chủ tịch UBND tỉnh phải có lịch tiếp công dân và thực hiện tiếp công dân theo quy định của Luật Tiếp công dân và Quy chế tiếp công dân của tỉnh; phối hợp chặt chẽ với Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh trong tổ chức tiếp công dân.

Điều 39. Trách nhiệm của thành viên UBND tỉnh

1. Trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình, các thành viên UBND tỉnh có trách nhiệm tổ chức công tác thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch của các cấp, các ngành, các đơn vị; kết luận và có quyết định giải quyết triệt để các vụ việc khiếu nại, tố cáo ngay tại cơ sở.
2. Giải quyết kịp thời, đúng quy định của pháp luật những khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền; lắng nghe ý kiến của công dân để cải tiến, nâng cao hiệu quả công tác.
3. Tổ chức tiếp công dân theo đúng quy định của Luật Thanh tra, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tiếp công dân và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 40. Trách nhiệm của Chánh Thanh tra tỉnh

1. Giúp Chủ tịch UBND tỉnh tiến hành thanh tra, kiểm tra, xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh khi được giao.
2. Giúp Chủ tịch UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan thuộc quyền quản lý trực tiếp của Chủ tịch UBND tỉnh trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và thi hành quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý tố cáo theo quy định pháp luật.
3. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về khiếu nại gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức thì kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh hoặc kiến nghị người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết để chấm dứt vi phạm, xem xét trách nhiệm, xử lý đối với người vi phạm.
4. Xem xét việc giải quyết tố cáo mà Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện đã giải quyết nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo có vi phạm pháp luật thì kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, giải quyết lại theo quy định.
5. Trực tiếp thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và thực hiện tiếp công dân theo quy định của pháp luật.
6. Định kỳ báo cáo tại phiên họp UBND tỉnh về tình hình thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh; ưu điểm, nhược điểm, thiếu sót trong công tác thanh tra, tổ chức tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, các giải pháp khắc phục, kiến nghị biện pháp xử lý.

Điều 41. Trách nhiệm của Chánh Văn phòng UBND tỉnh

1. Chỉ đạo Ban Tiếp công dân tỉnh thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về công tác tiếp công dân; tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân.

2. Sắp xếp, bố trí lịch tiếp công dân của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Chủ trì, điều hòa, phối hợp việc tiếp công dân giữa các cơ quan tham gia tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân tỉnh; quản lý, bảo đảm điều kiện vật chất cho hoạt động của Trụ sở tiếp công dân tỉnh.

4. Phối hợp với các cơ quan chức năng tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, giải quyết những khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền.

5. Kiểm tra, đôn đốc các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện quyết định, chỉ thị, ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh trong lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

6. Phối hợp với Tòa án nhân dân tỉnh và cơ quan có liên quan đến các vụ án hành chính thuộc trách nhiệm giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh (hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh được Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền), chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và xếp lịch để Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh tham dự đối thoại và tham gia phiên tòa khi có yêu cầu của Tòa án.

7. Ký ban hành thông báo kết luận tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 42. Tổ chức tiếp công dân

1. Chủ tịch UBND tỉnh tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân tỉnh.

2. Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh phải bố trí cán bộ có đủ trình độ, năng lực và sự hiểu biết về pháp luật để làm nhiệm vụ tiếp công dân.

3. Chánh Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan có liên quan xây dựng các quy định, thủ tục về tiếp công dân bảo đảm đúng pháp luật và phù hợp với tình hình của địa phương; tổ chức thực hiện tốt việc tiếp công dân.

Chương X CÔNG TÁC THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 43. Trách nhiệm thông tin, báo cáo

1. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND tỉnh:

a) Định kỳ có báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh của tỉnh và các báo cáo chuyên đề, đột xuất theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương và Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh; đồng thời, gửi Đoàn ĐBQH tỉnh, các Ủy viên UBND tỉnh, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện;

b) Ủy nhiệm Chánh Văn phòng UBND tỉnh báo cáo hàng tháng về sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, tình hình nổi bật trong tháng gửi Văn phòng Chính phủ, Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, thành viên UBND tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện.

2. Trách nhiệm của Chánh Văn phòng UBND tỉnh:

a) Tổ chức việc cung cấp thông tin hàng ngày và hàng tuần phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành và giải quyết công việc thường xuyên của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, bao gồm: Các vấn đề quan trọng do các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện trình UBND tỉnh, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh và các thông tin nổi bật trong tuần về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh;

b) Phối hợp trao đổi thông tin với Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; tham dự cuộc họp giao ban hàng tuần của Thường trực UBND tỉnh, các cuộc họp của Thường trực Tỉnh ủy và Thường trực HĐND tỉnh khi được mời;

c) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và tổ chức khai thác thông tin khác phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh;

d) Giúp UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh biên soạn, tổng hợp các báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

đ) Cung cấp thông tin cho Cổng thông tin điện tử tỉnh về tình hình kinh tế - xã hội, thông tin chỉ đạo, điều hành, chương trình công tác, các hoạt động thường ngày của UBND tỉnh, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

e) Tổ chức theo dõi thông tin báo chí hàng ngày, báo cáo Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND tỉnh những vấn đề quan trọng có liên quan đến tỉnh; thông báo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết các vấn đề báo chí phản ánh để các cơ quan, địa phương liên quan theo dõi kiểm tra và báo cáo Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

g) Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về hoạt động của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh cho Ủy viên UBND tỉnh.

3. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện:

a) Cùng cố, tăng cường hệ thống thông tin nội bộ để giúp lãnh đạo cơ quan nắm được tình hình, công việc chủ yếu diễn ra hàng ngày trong toàn ngành, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách;

b) Gửi Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh các báo cáo định kỳ (tháng, quý, 6 tháng, năm), báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất và báo cáo hàng tuần;

Trường hợp có vấn đề phức tạp phát sinh cần xử lý, kịp thời báo cáo ngay cho Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách ngành, lĩnh vực, địa phương biết, chỉ đạo;

c) Chuẩn bị các báo cáo của UBND tỉnh trình cơ quan cấp trên theo sự phân công của Chủ tịch UBND tỉnh;

d) Thường xuyên trao đổi thông tin với các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện về các thông tin có liên quan. Thực hiện việc cung cấp thông tin theo chế độ thường xuyên và khi có yêu cầu phối hợp của cơ quan khác.

4. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, ngoài các nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều này, có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tháng, quý, 6 tháng, năm để báo cáo UBND tỉnh điều hành, phối hợp việc thực hiện các cân đối chủ yếu về kinh tế - xã hội của tỉnh.

5. Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan đơn vị có liên quan xây dựng và trình tại phiên họp thường kỳ của UBND tỉnh báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm và phương hướng nhiệm vụ trong thời gian tới.

Điều 44. Thông tin về hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương cho Nhân dân

1. Trách nhiệm của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh:

a) Thực hiện chế độ thông tin cho Nhân dân thông qua các báo cáo của UBND tỉnh trước HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh; trả lời các chất vấn, kiến nghị của cử tri, của đại biểu Quốc hội tỉnh và của đại biểu HĐND tỉnh; trả lời phỏng vấn của cơ quan thông tin đại chúng;

b) Tổ chức họp báo, thường xuyên thông tin cho các cơ quan thông tin đại chúng và Nhân dân về tình hình hoạt động của UBND tỉnh, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh và các chế độ, chính sách mới ban hành, các văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước;

c) Chủ tịch UBND tỉnh hoặc phân công người phát ngôn của UBND tỉnh tổ chức họp báo, cung cấp thông tin đối với những vấn đề liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực và ngành, lĩnh vực được Chủ tịch UBND tỉnh phân công theo dõi, chỉ đạo;

d) Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức họp báo, cung cấp thông tin đối với ngành, lĩnh vực được Chủ tịch UBND tỉnh phân công theo dõi, chỉ đạo trực tiếp.

2. Trách nhiệm của Chánh Văn phòng UBND tỉnh:

- a) Chuẩn bị nội dung và tài liệu cần thiết cho các cuộc họp báo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh và người phát ngôn của UBND tỉnh;
- b) Cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí về hoạt động của UBND tỉnh, Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND tỉnh về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh của tỉnh theo quy định của pháp luật;
- c) Tổ chức công bố, thông tin rộng rãi các văn bản, quy định, chính sách do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của công dân trên địa bàn tỉnh;
- d) Chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện đẩy mạnh ứng dụng tin học trong công tác thông tin để đưa tin, tuyên truyền, phổ biến tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh trên cả nước và quốc tế.

3. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện:

- a) Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan thông tin, báo chí tiếp cận kịp thời nguồn thông tin chính xác về các sự kiện xảy ra trong ngành, lĩnh vực, địa phương mình phụ trách;
- b) Chịu trách nhiệm về việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí; trả lời phỏng vấn của cơ quan thông tin, báo chí hoặc theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh; đưa tin để cơ quan thông tin, báo chí đăng bài, phát tin tuyên truyền cho công tác của cơ quan, đơn vị; đề nghị cải chính những nội dung đăng, phát tin sai sự thật;
- c) Tăng cường quản lý công tác thông tin, báo chí chuyên ngành; không để lộ các thông tin có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước;
- d) Thông báo công khai về tình hình thu và sử dụng các quỹ có huy động đóng góp của Nhân dân.

Điều 45. Truyền thông tin trên mạng tin học

1. Các văn bản sau đây phải được đăng trên Công báo điện tử tỉnh và Cổng thông tin điện tử tỉnh (trừ văn bản mật):

- a) Văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh. Ngoài ra, các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh được đăng tải toàn văn trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- b) Các văn bản của Nhà nước về chính sách, pháp luật mới, các dự thảo văn bản do UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh soạn thảo gửi để lấy ý kiến, góp ý hoàn chỉnh nội dung văn bản;
- c) Các thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai thủ tục hành chính và văn bản khác theo quy định.

2. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm khai thác và phổ biến những thông tin trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, các văn bản quy phạm pháp luật, các báo cáo và các thông tin liên quan khác để phục vụ có hiệu quả công tác điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện phải thực hiện chế độ trao đổi thông tin qua mạng tin học theo quy định của UBND tỉnh; thường xuyên theo dõi thông tin trên mạng tin học để kịp thời nhận văn bản chỉ đạo, điều hành và các thông tin do UBND tỉnh gửi để quán triệt và thực hiện.

Chương XI

KINH PHÍ, PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 46. Kinh phí, phương tiện hoạt động của UBND tỉnh

Kinh phí và phương tiện phục vụ hoạt động của UBND tỉnh do ngân sách Nhà nước bảo đảm. Việc quản lý, sử dụng kinh phí và phương tiện hoạt động của UBND tỉnh phải bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Bộ máy giúp việc của UBND tỉnh

Văn phòng UBND tỉnh là cơ quan tham mưu, giúp việc của UBND tỉnh, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh; phục vụ các hoạt động chung của UBND tỉnh.

Chương XII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 48. Chánh Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm triển khai, theo dõi và báo cáo UBND tỉnh việc tổ chức thực hiện Quy chế này.

Điều 49. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được UBND tỉnh thảo luận và quyết định./.

Phụ lục: Mẫu phiếu trình giải quyết công việc

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày tháng năm

PHIẾU TRÌNH GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

Kính gửi :..... (1).....

Nội dung trình: (2)

Cơ quan trình:(3)

Văn bản kèm theo: (4).....

| | |
|--|---|
| Tóm tắt nội dung, ý kiến của các cơ quan có liên quan và kiến nghị (nếu có) | |
| Ý kiến của Chuyên viên sau khi thẩm tra | |
| Ngày tháng năm (Ký và ghi rõ họ tên) | |
| Ý kiến của Lãnh đạo cấp phòng | Ý kiến của Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh phụ trách |
| Ngày tháng năm (Ký và ghi rõ họ tên) | Ngày tháng năm (Ký và ghi rõ họ tên) |
| Ý kiến của Chánh Văn phòng UBND tỉnh | |
| Ngày tháng năm (Ký và ghi rõ họ tên) | |
| Ý kiến của Lãnh đạo UBND tỉnh | |
| Ngày tháng năm | |

- (1) Ghi rõ chức danh, họ và tên Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch;
- (2) Tóm tắt vấn đề trình;
- (3) Ghi rõ cơ quan trình (Sở, ngành, UBND cấp huyện, đơn vị);
- (4) Ghi rõ tên các văn bản theo thứ tự sắp xếp trong hồ sơ trình kèm theo.
- (5) Chuyên viên, Lãnh đạo cấp phòng, Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh phải thể hiện rõ ý kiến đối với đề xuất của ngành, đơn vị và cấp dưới.